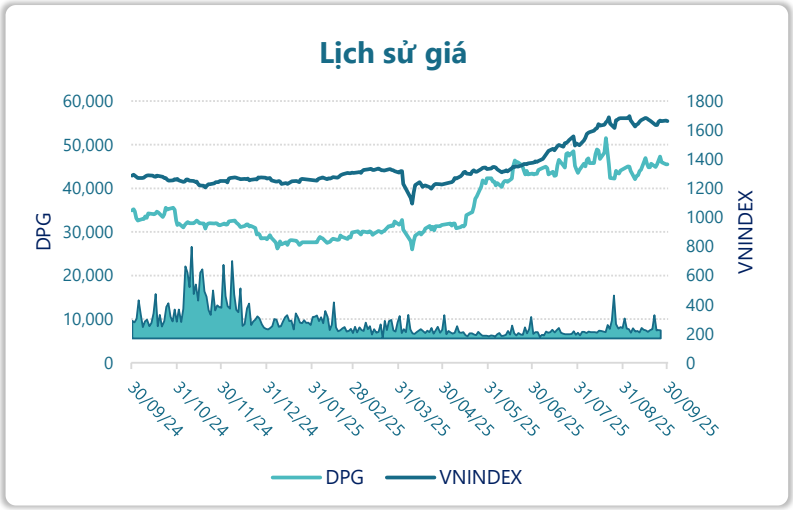
FireAnt

CTCP Tập đoàn Đạt Phương (HSX: DPG)



Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**45,500**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	51,500
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	25,981
SL cổ phiếu LH	100,799,032
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,798,445
% sở hữu nước ngoài	5.4%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	4,586
P/E	15.0
EPS	3,037

DT thuần

Q3/25

1,176

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 34.0| 3.0%

YoY: ▲ 431| 57.9%

LN sau thuế

Q3/25

83.3

tỷ VNĐ

QoQ: ▼20.7| -19.9%

YoY: ▲ 61.1| 275%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

10.9%

+/- YoY: ▲ 2.9%

DT thuần

9T 2025

2,845

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 714| 33.5%

LN sau thuế

9T 2025

288

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 116| 67.0%

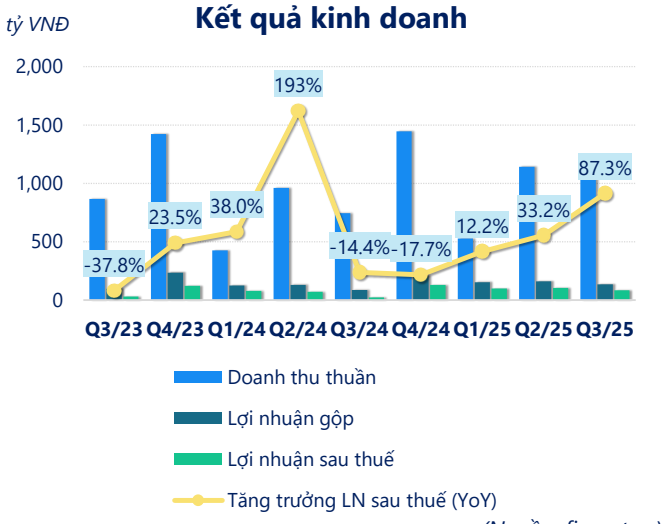
ROE

Q3/25

11.5%

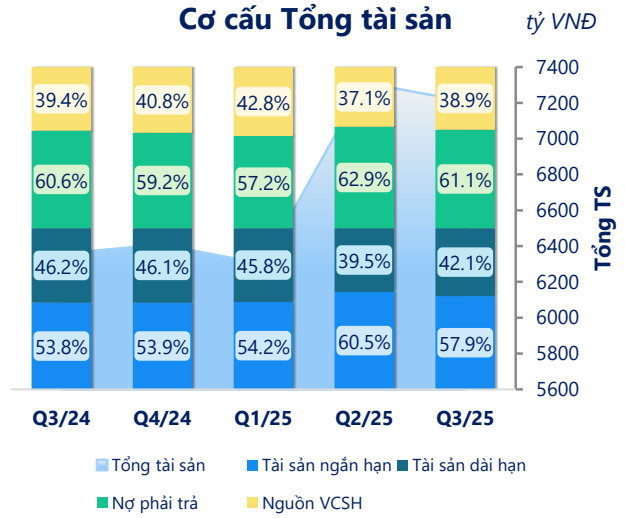
+/- YoY: ▲ 2.5%

Kết quả kinh doanh



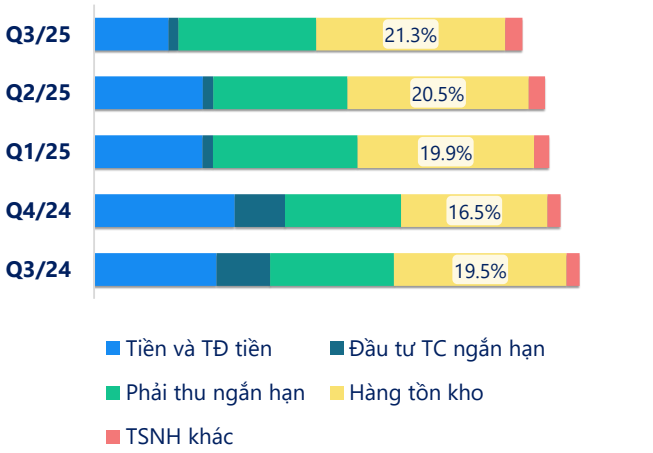
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



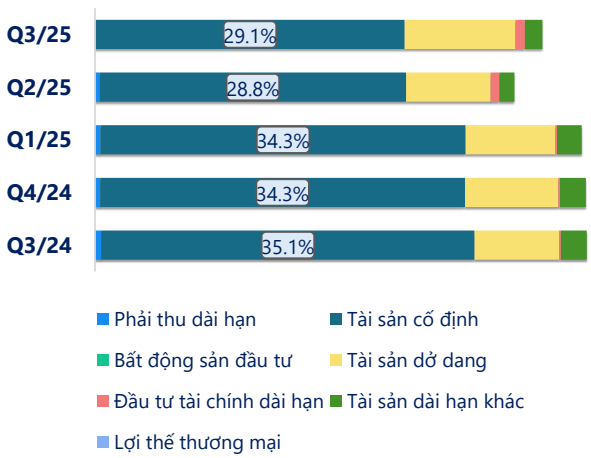
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



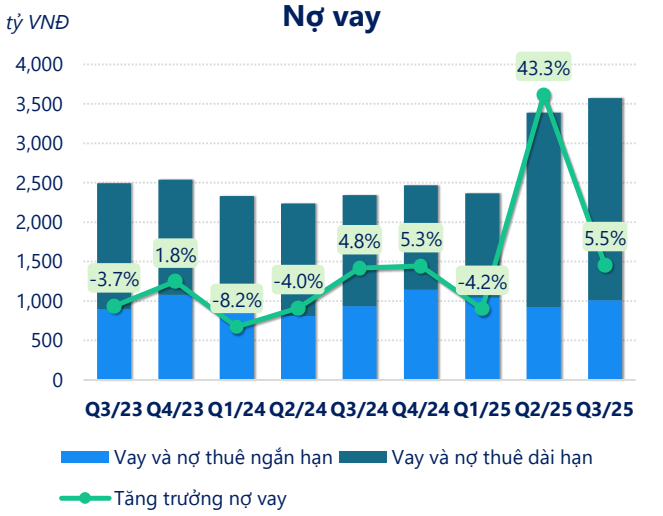
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



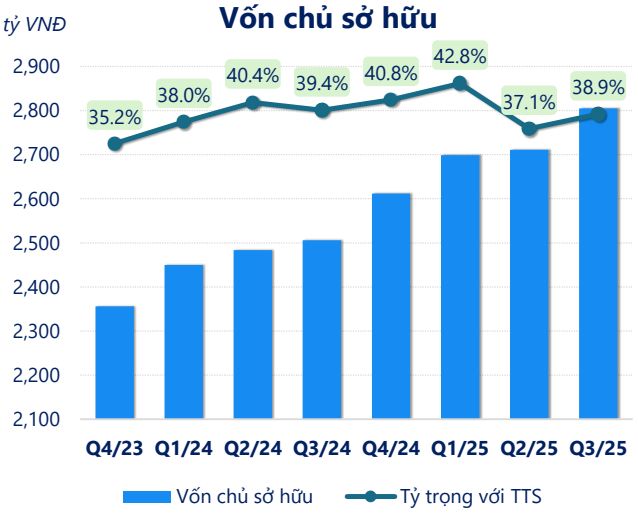
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



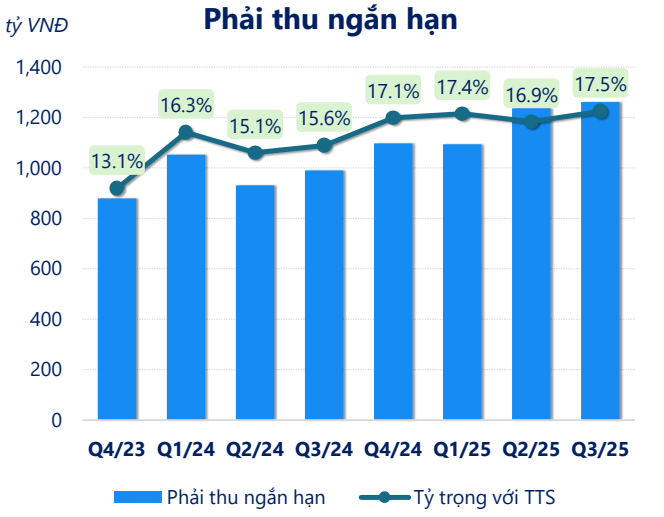
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



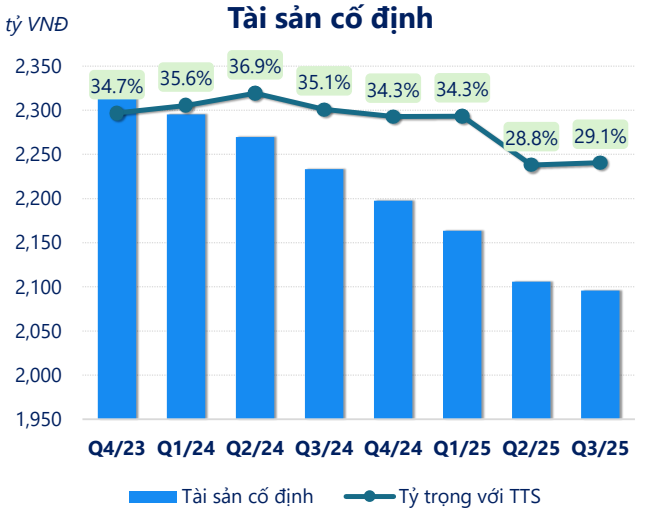
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



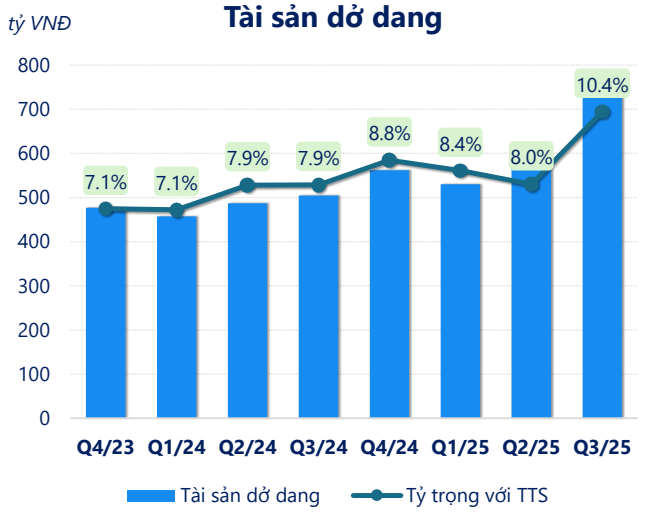
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



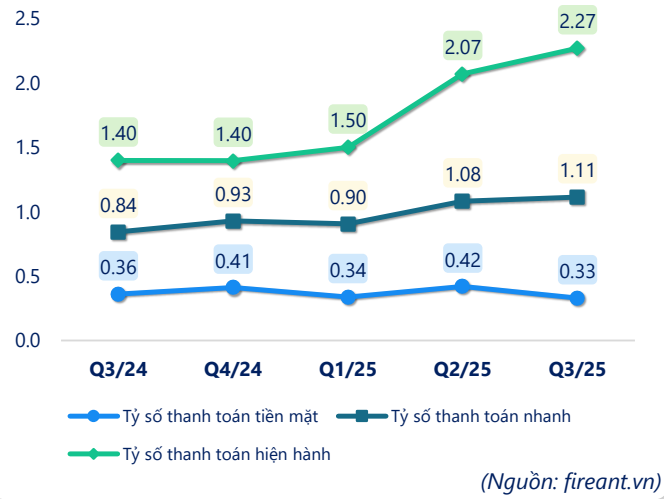
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



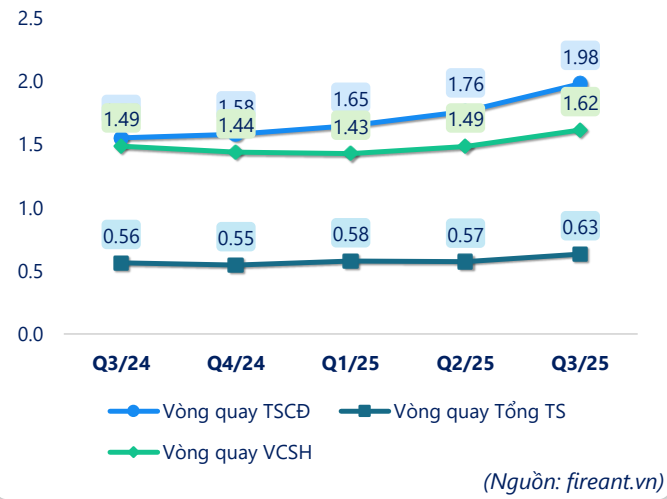
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	**6,359**	**6,408**	**6,301**	**7,312**	**7,210**
Tài sản ngắn hạn	**3,418**	**3,451**	**3,418**	**4,427**	**4,176**
Tiền và tương đương tiền	879	1,017	771	897	605
Đầu tư tài chính ngắn hạn	70.6	69.5	69.5	71.5	63.9
Phải thu ngắn hạn	990	1,097	1,094	1,236	1,261
Hàng tồn kho	1,356	1,155	1,355	2,115	2,128
Tài sản ngắn hạn khác	123	113	128	107	118
Tài sản dài hạn	**2,941**	**2,957**	**2,883**	**2,885**	**3,034**
Phải thu dài hạn	37.0	32.0	32.9	32.9	2.86
Tài sản cố định	2,233	2,197	2,163	2,106	2,096
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	505	562	530	582	751
Đầu tư tài chính dài hạn	11.0	11.0	11.0	58.5	63.7
Tài sản dài hạn khác	154	155	146	106	120
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**3,853**	**3,796**	**3,602**	**4,601**	**4,405**
Nợ ngắn hạn	**2,445**	**2,472**	**2,281**	**2,139**	**1,840**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	937	1,144	1,043	925	1,010
Phải trả người bán ngắn hạn	358	415	314	207	187
Nợ dài hạn	1,408	1,325	1,322	2,462	2,564
Vay và nợ thuê dài hạn	1,407	1,324	1,321	2,462	2,564
Nguồn vốn chủ sở hữu	**2,506**	**2,612**	**2,699**	**2,711**	**2,805**
Vốn chủ sở hữu	**2,506**	**2,612**	**2,699**	**2,711**	**2,805**
Vốn điều lệ	630	630	630	1,008	1,008
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)